TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đinh Thị ThUy Hằng
2. Ông Huỳnh Bửu Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên– Thư ký Tòa án.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp T, xã Hùng H, huyện Tiểu C, tỉnh T.

Chổ ở hiện nay: ấp Chòm Ch, xã Phước H, huyện T, tỉnh T

Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành N**, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp T, xã Hùng H, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Năm 1991 chị với anh Nguyễn Thành N có xác lập quan hệ hôn nhân có làm đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau. Quá trình chung sống anh N thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện với chị, chị không thể sống chung với anh N được nữa nên chị đã bỏ nhà đi, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 01/01/1992 đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung: 03 con bò trị giá 50.500.000 đồng; tiền mặt bán 03 con bò con là 50.000.000 đồng do anh N quản lý; 02 con bò trị giá 30.000.000 đồng do chị quản lý; Một căn nhà cấp 4, chiều ngang 5,5 mét, chiều dài 28 mét, trị giá là 220.000.000 đồng nằm trên phần đất do mẹ chồng là Lưu Thị U đứng tên, hiện do anh N đang quản lý. Tiền cầm đất cho bà Lưu Thị U là 02 cây vàng 24 ka ra.

Nay chị yêu cầu anh N hoàn cho chị giá trị bán bò là 25.500.000 đồng. Chị đồng ý để cho anh Nỗi tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà, anh N có nghĩa vụ hoàn cho chị ½ giá trị nhà là 110.000.000 đồng. Đối với tiền cầm đất cho bà U hiện bà U đã chết nên chị không tranh chấp.

Về nợ chung: không có

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Nguyễn Thành N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ph. Nay anh thống nhất ly hôn với chị Ph

Về con chung: tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 01/01/1992 đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung: 03 con bò trị giá 50.500.000 đồng do anh quản lý; Tiền mặt bán 03 con bò con là 50.000.000 đồng do anh quản lý; 02 con bò trị giá 30.000.000 đồng do chị Ph quản lý; Một căn nhà cấp 4, chiều ngang 5,5 mét, chiều dài 28 mét, nằm trên phần đất do mẹ anh tên là Lưu Thị U đứng tên, hiện do anh đang quản lý, giá trị nhà hiện tại là 220.000.000 đồng.

Khi chị Ph ra đi chị Ph có đeo trên người một sơi dây chuyền, một bộ vòng xi men tất cả đều là vàng 18 K anh không biết bao nhiêu chỉ vì số vàng này là do chị Ph tự mua; Tiền bảo hiểm 20.000.000 đồng, gói bảo hiểm bao nhiêu anh không biết vì do chị Ph đóng; Tiền mặt 15.000.000 đồng là tiền chị Ph làm ăn; Tiền cầm đất cho bà U là 02 cây vàng 24 ka ra, hiện bà U đã chết.

Nay anh thống nhất hoàn cho chị Ph giá trị bò là 25.500.000 đồng và 110.000.000 đồng giá trị nhà, phần tài sản còn lại anh không tranh chấp.

Về nợ chung không có

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp*: Không có.

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp*: Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất không có đăng ký kết hôn

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 01/01/1992 đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất anh N tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà căn nhà cấp 4, chiều ngang 5,5 mét, chiều

dài 28 mét, nằm trên phần đất của bà Lưu Thị U, anh N có nghĩa vụ hoàn cho chị Ph ½ giá trị nhà là 110.000.000 đồng và giá trị tiền bán bò là 25.500.000 đồng.

Những tình tiết các bên không thống nhất: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trU trên địa bàn huyện Tiểu Cần nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định của khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N sống chung với nhau từ năm 1991 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị Ph yêu cầu ly hôn anh N cũng đồng ý. Do Chị Ph và anh N sống chung với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9, 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành Nỗi,

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 01/01/1992 đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất anh N tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà căn nhà cấp 4, chiều ngang 5,5 mét, chiều dài 28 mét, nằm trên phần đất của bà Lưu Thị U, anh N có nghĩa vụ hoàn cho chị Ph ½ giá trị nhà là 110.000.000 đồng và giá trị tiền bán bò là 25.500.000 đồng. Các tài sản khác không tranh chấp

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 14, 53 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 01/01/1992 đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành N tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà cấp 4, chiều ngang 5,5 mét, chiều dài 28 mét, nằm trên phần đất của bà Lưu Thị U, anh Nỗi có nghĩa vụ hoàn cho chị Nguyễn Thị Ph ½ giá trị nhà là 110.000.000 đồng và giá trị tiền bán bò là 25.500.000 đồng. Các tài sản khác chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ph có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Thành N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Thành N thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 6.775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014312 ngày 22/11/2022 và 6.425.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014933 ngày 24/02/2023 cùng của chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Bà Nguyễn Thị Ph phải nộp tiếp số tiền 350.000 đồng án phí.

Ông Nguyễn Thành N phải chịu 6.775.000 đồng án phí dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
-UBND xã Hùng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thạch Thị Thu Hiền